

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 397/2025/HC-PT

Ngày: 10-4-2025

*“V/v khiếu kiện quyết định
hành chính về quản lý Nhà
nước trong lĩnh vực đất đai”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các thẩm phán:

Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 723/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc *“khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai”*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 72/2024/HC-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 796/2025/QĐ-PT ngày 18/3/2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1955. Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Vương Minh S, sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: luật sư Nguyễn Thị Lê H, Công ty L2 – thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Địa chỉ: 2 X, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Trung T - Chủ tịch UBND huyện T (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ tịch UBND huyện T: ông Bùi Đắc Đ – Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện T (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* UBND xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Lệ O – Phó chủ tịch UBND xã B (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Văn P – Công chức địa chính xã B (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

2. Bà Lê Thị X; địa chỉ: thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

- *Người kháng cáo:* người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện – ông Vương Minh S trình bày:

Về diện tích 9.259m² đất liên quan đến Quyết định xử phạt của Chủ tịch UBND huyện T, ông D canh tác liên tục và ổn định từ năm 1975 cho đến nay và có nguồn gốc rõ ràng. Hiện trên đất đã trồng 156 gốc dừa (trồng từ năm 2005 đến nay); Trồng 6.000 cây phi lao để che chắn sóng biển, trên đất có 03 cái chòi: một chòi tôn thiếc (xây năm 2005), một chòi xây nhỏ (xây năm 2010), một chòi nhà cấp 4 (xây dựng vào năm 2015); ngoài ra trên đất có trồng một số cây hoa màu gồm có 06 cây mít, 12 cây ổi, 04 cây xoài; 01 hồ non bộ; 700m² trồng cây khoai mì; 500m² trồng cây bầu bí; Trong thửa đất có 02 cái giếng; Có hệ thống tưới tiêu bằng điện; Có 02 cái kiềng nhà cũ thời cha vợ ông D để lại. Mặc dù, diện tích đất này ông D chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn hoàn toàn hợp pháp 100%. Bởi vì thửa đất của ông D đã thỏa mãn các điều kiện: đất có nguồn gốc rõ ràng từ năm 1950; canh tác ổn định; không có tranh chấp với bất cứ ai. Vào năm 1999 có dự án đo đạc 920 của tỉnh về đo đạc tại khu vực xã B, ông D có nhờ cháu là Nguyễn Văn L ở tại thôn A, xã B kê khai, đo đạc về thửa đất như đã nêu. Do đó, việc Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định xử phạt ông D về hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là không đúng quy định.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau: hủy Quyết định số 204/QĐ/XPHC ngày 10/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn D; hủy Quyết định số 40/QĐ/CCXP ngày 03/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả về lĩnh vực đất đai; hủy quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T tại văn bản số 1950/UBND-NC trình bày:

Đối với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết: hủy Quyết định số 204/QĐ-XPHC ngày 10/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn D; hủy Quyết định số 40/QĐ-CCXP ngày 03/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả về lĩnh vực đất đai; hủy Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với khiếu nại của ông Nguyễn Văn D. Ý kiến của Chủ tịch UBND huyện như sau:

1. Việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả về lĩnh vực đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đối với ông Nguyễn Văn D, tại xã B, huyện T:

Vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 27/9/2022, Tổ kiểm tra quản lý đất đai, trật tự xây dựng UBND xã B (gọi tắt là Tổ kiểm tra) tiến hành kiểm tra thường xuyên tại khu vực Trại L, thôn A, xã B phát hiện ông Nguyễn Văn D thực hiện hành vi tác động đến đất Nhà nước quản lý với diện tích 9.259m². Tổ kiểm tra đã lập Biên bản kiểm tra hiện trạng. Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 27/9/2022, Tổ kiểm tra lập Biên bản làm việc đối với ông Nguyễn Văn D xác định hành vi vi phạm và đề nghị ông D dừng ngay hành vi chiếm đất. Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 03/10/2022, Công chức Địa chính – Xây dựng xã B tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 38/BB-VPHC ngày 03/10/2022 đối với hành vi chiếm đất của ông Nguyễn Văn D tại khu vực Trại L, thôn A, xã B với diện tích 9.259m². Ngày 04/10/2022 UBND xã B có Tờ trình số 56/TTr-UBND về việc đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn D; đồng thời chuyển hồ sơ đến UBND huyện. Ngày 10/10/2022, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn D tại Quyết định số 204/QĐ-XPHC. Tại Quyết định nêu trên, Chủ tịch UBND huyện T xử phạt với mức phạt là 40.000.000 đồng; các biện pháp khắc phục hậu quả: buộc ông Nguyễn Văn D khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm, đồng thời buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp là 10.666.775 đồng có được do vi phạm hành chính. Do nhận thấy Quyết định số 204/QĐ-XPHC có sai sót về việc buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp; ngày 10/3/2023, UBND xã B có Tờ trình số 09/TTr-UBND về việc đề nghị điều chỉnh Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn D; ngày 14/3/2023, Phòng T3 có Báo cáo số 52/BC-TNMT về sai sót tại Quyết định số 204/QĐ-XPHC; ngày 23/3/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 30/QĐ-SĐBSHB về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai (Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp là

10.222.463 đồng). Vị trí đất mà ông Nguyễn Văn D tác động chiếm đất với diện tích 9.259m² tại khu vực Trại L, thôn A, xã B, huyện T là nằm trong phần diện tích 51.712,7m² đất trồng cây lâu năm hiện do UBND xã B quản lý, được thể hiện tại thửa đất số 16, tờ bản đồ địa chính số 28 và diện tích 9.042,1m² đất trồng cây lâu năm hiện do UBND xã B quản lý, được thể hiện tại thửa đất số 80, tờ bản đồ địa chính số 29; theo bản đồ Địa chính được đo đạc theo dự án tổng thể 920 năm 2009 (theo Quyết định số 3232/QĐ-UBND ngày 13/11/2009 của UBND tỉnh B), được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ký nghiệm thu ngày 07/12/2016. Do đó, căn cứ vào mục đích sử dụng đất theo Bản đồ địa chính nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T xác lập hành vi chiếm đất của ông D theo quy định tại điểm d, Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ là phù hợp theo quy định pháp của luật đất đai năm 2013 và Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung năm 2020).

Từ khi Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn D, đến nay ông D chưa chấp hành nội dung của quyết định số 204/QĐ-XPHC ngày 10/10/2022; do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 40/QĐ-CCXP ngày 03/4/2023 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả về lĩnh vực đất đai và sẽ tổ chức cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả (buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm) trong ngày 25/7/2023 (theo Thông báo số 199/TB-UBND ngày 26/6/2023 về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai); ông Nguyễn Văn D đang khiếu kiện quyết định hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận. Vì lẽ trên, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 204/QĐ-XPHC ngày 10/10/2022 xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 40/QĐ-CCXP ngày 03/4/2023 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả về lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn D là đúng quy định pháp luật.

2. Việc ban hành Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với khiếu nại của ông Nguyễn Văn D:

Sau khi UBND huyện ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, ông Nguyễn Văn D có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện, với nội dung: ông D yêu cầu hủy Quyết định xử phạt và công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông. Việc người khiếu nại yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 204/QĐ-XPHC ngày 10/10/2022 vì cho rằng đất có nguồn gốc, có quá trình sử dụng ổn định liên tục, là không có cơ sở; bởi vì, người khiếu nại không có chứng cứ chứng minh cho quá trình sử dụng đất ổn định từ năm 1950 cho đến nay; diện tích 9.259m² tại khu vực Trại L, thôn A, xã B là đất do Nhà nước quản lý được thể hiện tại các bản đồ đo đạc qua các thời kỳ năm 1994 (Bản đồ 299 được đo đạc vào năm 1994, theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước), năm 2005 (Bản đồ hiện trạng sử dụng đất), năm 2011 (Bản đồ địa chính thuộc dự án tổng thể 920 đo đạc theo Quyết định số 3232/QĐ-UBND ngày 13/11/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh B về

việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai). Người khiếu nại cho rằng trong quá trình sử dụng đất có nhờ người thân đăng ký với đoàn đo đạc để quy chủ sử dụng đất là không đúng. Qua kiểm tra, rà soát các hồ sơ quản lý đất đai, hồ sơ địa chính thì từ trước đến nay gia đình ông D (kể cả cha vợ, vợ và cháu vợ là ông Phạm L1, bà Phạm Thị T1 và ông Nguyễn Văn L) không đăng ký kê khai, quy chủ sử dụng đối với diện tích đất đang khiếu nại. Từ đó, không chấp nhận nội dung ông Nguyễn Văn D khiếu nại yêu cầu Hủy bỏ Quyết định số 204/QĐ-XPHC ngày 10/10/2022 của Chủ tịch U vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Lý do: Diện tích 9.259m² tại khu vực Trại L, thuộc thôn A, xã B được quy chủ là đất do Nhà nước quản lý, việc xử lý vi phạm hành chính với hành vi chiếm đất do Nhà nước quản lý để lập lại trật tự hành chính; ông Nguyễn Văn D không có cơ sở chứng minh quá trình sử dụng đất ổn định từ năm 1950 cho đến nay, không đăng ký kê khai, quy chủ sử dụng đất, không đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Do vậy, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 08/5/2022 giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với ông Nguyễn Văn D theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 72/2024/HC-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, về việc:

Hủy Quyết định số 204/QĐ-XPHC ngày 10/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn D và Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 30/QĐ-SĐBSHB ngày 23/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện T.

Hủy Quyết định số 40/QĐ-KPHQ, ngày 03/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả về lĩnh vực đất đai và Quyết định số 1424/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/7/2024 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận kháng cáo đề nghị sửa bản án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Bùi Đắc Đ trình bày: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, về căn cứ kháng cáo và nội dung đã được trình bày đầy đủ trong đơn kháng cáo và các văn bản nêu ý kiến của Chủ tịch UBND huyện; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp Luật sư Nguyễn Thị Lệ H và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Vương Minh S thống nhất trình bày: diện tích đất gia đình ông D sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có nguồn gốc rõ ràng từ năm 1950 do cha mẹ vợ khai phá, sử dụng cho lại và ông D canh tác ổn định; không có tranh chấp với bất cứ ai; UBND cho rằng ông D lấn chiếm đất vào năm 2021 là hoàn toàn không có căn cứ vì trên đất đã có nhà, công trình xây dựng, cây trồng và tài sản sản gia đình ông D đã tạo dựng từ lâu và có nhiều người dân ở địa phương biết và chứng kiến. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T không xác minh làm rõ nguồn gốc và quá trình tạo dựng tài sản mà ban hành quyết định xử phạt ông D về hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là không đúng quy định, ảnh hưởng quyền lợi ông D. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: diện tích đất 9.259m² hiện gia đình ông D đang quản lý sử dụng, qua biên bản thẩm định và tài liệu thể hiện trên đất ông D dẫn đầu tư trồng cây, xây nhà, giếng nước và các công trình khác, đặc biệt có 2 kiềng móng nhà ông D cho rằng do cha mẹ vợ xây dựng và sử dụng từ trước năm 1975. Đại diện cho Ủy ban nhân dân huyện T cho rằng ông D chiếm và sử dụng từ năm 2021; một số hộ dân tại địa phương thì cho rằng biết gia đình ông D sử dụng diện tích đất này từ lâu như lời trình bày của ông D. Đại diện Ủy ban cho rằng diện tích đất diện tích 9.259m² tại khu vực Trại L, thôn A, xã B là đất do Nhà nước quản lý được thể hiện tại các bản đồ đo đạc qua các thời kỳ năm 1994, năm 2005 (Bản đồ hiện trạng sử dụng đất), năm 2011 (Bản đồ địa chính thuộc dự án tổng thể 920 đo đạc theo Quyết định số 3232/QĐ-Ủy ban nhân dân ngày 13/11/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B) và đã giao về cho Ủy ban nhân dân xã B quản lý từ năm 2011. Tuy nhiên, tài liệu này chưa được thu thập để có cơ sở đánh giá về quá trình sử dụng đất của phía gia đình ông D và quá trình quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện T. Để chứng minh tài sản và công trình trên đất cần tiến hành giám định về thời gian xây dựng nhà và các công trình trên đất, đồng thời cần thu thập chứng cứ để xác định nguồn gốc đất ông D cho rằng do cha mẹ vợ khai phá từ năm 1950 và giao lại cho vợ chồng ông D sử dụng cho đến nay. Do cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để giải quyết đúng vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm để cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ và giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận thực hiện đúng quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, tư cách người tham gia tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ theo quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, xét thấy:

[3.1] Đối với nội dung liên quan đến biên bản hành chính số 38/BB-VPHC của Ủy ban nhân dân xã B:

Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 được sửa đổi bởi khoản 29 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi 2020 định: “*Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất 01 người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến thì phải ghi rõ lý do vào biên bản*”.

Theo đó, Tại biên bản vi phạm hành chính số 38/BB-VPHC, ông Nguyễn Văn D không đồng ý ký vào biên bản, nhưng Ủy ban nhân dân xã cũng không mời người chứng kiến và cũng không ghi lý do vì sao ông Nguyễn Văn D không đồng ý ký vào biên bản vi phạm hành chính; Biên bản vi phạm hành chính thể hiện có chữ ký của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Người bị kiện cho rằng ông Nguyễn Văn D không ký vào biên bản nhưng có chữ ký của đại diện Ủy ban nhân dân xã B. Tuy nhiên, đây là biên bản của Ủy ban nhân dân xã nên việc chỉ có Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V Công chức địa chính xã ký là chưa khách quan, không đảm bảo đúng theo quy định.

[3.3] Đối với diện tích đất tranh chấp:

Phần diện tích đất 9.259m² tại khu vực Trại L, thôn A, xã B, huyện T hiện do hộ gia đình ông Nguyễn Văn D trực tiếp quản lý và sử dụng, không có ai tranh chấp gì. Căn cứ Biên bản kiểm tra thực địa vào lúc 15 giờ, ngày 27/12/2022 do ông Hồ Minh P1 - Công chức Địa chính xã lập đã xác định: hiện trạng đất do ông Nguyễn Văn D quản lý có 120 cây dừa cao từ 0,5m đến 2,5m; một số cây dương, 01 ngôi nhà tạm diện tích 22,5m²; 02 ngôi nhà xây; nhà thứ nhất diện tích 30,0m², nhà thứ hai diện tích 60,0m²; 01 giếng đào; 02 kiềng nhà xưa.

Mặt khác, theo Biên bản xem xét và thẩm định tại chỗ cũng như ý kiến trình bày của các đương sự thì trên khu đất hiện do hộ ông D đang quản lý có xây dựng 01 căn nhà cấp 04 tường gạch, mái tôn xi măng, nền xi măng (đương sự xác định xây dựng năm 2015), 01 nhà tạm (đương sự xác định xây dựng năm 2005), 01 giếng khoan; 01 hòn non bộ, 01 giếng nước + hệ thống tưới và dây ống tưới; hệ thống điện sinh hoạt; 02 kiềng nhà xưa; một số cây cảnh; 01 giếng xưa hiện không còn sử dụng; 01 cây xoan; cây dúi; 156 cây dừa (một số cây đã có trái và một số cây còn nhỏ) và cây dương cao từ 03m đến 05m, đường kính từ 05 đến 08cm; xung quanh khu đất là cây dúi, cây phi lao (cây dương), dùng tôn xi măng, lưới và cây tạp để làm ranh giới.

Theo kết luận giám định số 05/KL-GĐLN ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Giám định viên Lê Văn S1 thì trong số cây trồng trên đất có 01 cây dúi 47 năm tuổi; 01 cây xoan 32 năm tuổi và một số cây phi lao 02 thớt/năm, mỗi thớt dày 05cm, số lượng vòng năm là không rõ nét nên không kết luận được tuổi sinh trưởng của phi lao.

Đại diện người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T thì cho rằng diện tích đất 9.259m² tại khu vực Trại L, thôn A, xã B là đất do Nhà nước quản lý được thể hiện tại các bản đồ đo đạc qua các thời kỳ năm 1994 (Bản đồ 299 được đo đạc vào năm 1994, theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước), năm 2005 (Bản đồ hiện trạng sử dụng đất), năm 2011 (Bản đồ địa chính thuộc dự án tổng thể 920 đo đạc theo Quyết định số 3232/QĐ-UBND, ngày 13/11/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai) và đã giao về cho Ủy ban nhân dân xã B quản lý từ năm 2011; ông D mới chiếm đất và sử dụng trong thời gian từ năm 2021 (thời gian dịch bệnh Covid xảy ra). Tuy nhiên, các tài liệu này chưa được thu thập để có cơ sở đánh giá về quá trình sử dụng đất của phía gia đình ông D và quá trình quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện T cũng như Ủy ban nhân dân tỉnh B. Để chứng minh tài sản và công trình trên đất cần tiến hành giám định về thời gian xây dựng nhà và các công trình trên đất (đặc biệt là 02 kiềng móng nhà cũ), đồng thời cần thu thập chứng cứ để xác định nguồn gốc đất ông D cho rằng do cha mẹ vợ khai phá từ năm 1950 và giao lại cho vợ chồng ông D sử dụng cho đến nay.

Tại cấp phúc thẩm ông Trần Văn H1, sinh năm 1957 trình bày: ông làm trưởng thôn 1, xã B từ năm 1996 đến 2006 (có xác nhận của địa phương), ông chứng kiến diện tích đất gia đình ông D quản lý sử dụng từ lâu (trước năm 2000) chứ không phải mới sử dụng từ năm 2021 như quyết định của Ủy ban nêu; ông Lương Trung H2, sinh năm 1975 trú thị trấn L, huyện T khai: ông là thợ xây dựng, các căn nhà và công trình trên đất là do ông D thuê ông xây, thời gian ông xây các công trình này là từ năm 2005 đến 2015. Bà Lê Thị X cho rằng Biên bản của Ủy ban nhân dân xã L trước đây với bà là không đúng, bà cũng chứng kiến gia đình ông D quản lý và sử dụng đất từ lâu chứ không phải từ năm 2021 như biên bản làm việc của xã với bà. Như vậy, Ủy ban nhân dân xã cho rằng ông D lấn chiếm

đất vào năm 2021 là có sự mâu thuẫn với những tài sản gia đình ông Dẫn đầu T2 trên đất và mâu thuẫn với lời khai của một số người dân sinh sống tại địa phương. Việc Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định xử phạt và cưỡng chế đòi với ông D nhưng chưa xác minh làm rõ các tài sản mà gia đình ông D tạo dựng trên đất là chưa đảm bảo tính khách quan và ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông D.

Từ các căn cứ trên, xét Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, tuyên hủy các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, người bị kiện kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Đối với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp tại phiên tòa, xét thấy: như đã phân tích, việc Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định xử phạt mà chưa thu thập đầy đủ tài liệu, thông tin và quá trình sử dụng đất của ông D là không phù hợp nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy các quyết định của Chủ tịch Ủy ban là có căn cứ. Nếu có cơ sở cho rằng hộ gia đình ông D có hành vi lấn chiếm và sử dụng đất không đúng quy định thì Ủy ban nhân dân xã B và Ủy ban nhân dân huyện T có quyền thực hiện lại nhiệm vụ công vụ của mình theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị hủy bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T phải chịu án phí theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 72/2024/HC-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000358 ngày 24/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tuấn Vinh

Nguyễn Văn Khương

Lê Văn An